

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 406/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp - Kiểm sát viên.

Vào ngày 06-9-2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 288/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-8-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1989; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 4/127 đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; Tạm trú: Số 6B khu 03 tầng số 4 đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Duy N, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi đi thi hành án: Số nhà 4/127 đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; Tạm trú: Số 6B khu 03 tầng số 4 đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Hiện đang chấp hành án tại đội 4 K2 Trại giam N - Địa chỉ: Xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị H có mặt. Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 19-5-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Mỹ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Duy N tự do kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14-7-2010 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành

phố N. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh N không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, thường xuyên sử dụng ma túy, chị cùng gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng anh N vẫn không từ bỏ ma túy. Đầu năm 2020, chị cùng các con chuyển về nhà bố mẹ để đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Cuối năm 2020, anh N bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Hiện tại, anh N đang phải chấp hành án tại Trại giam N. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Duy N.

- Về con chung: Chị và anh Đỗ Duy N có 02 con chung là Đỗ Anh Th sinh ngày 05-8-2010 và Đỗ Thảo Nh sinh ngày 24-01-2015, các con chung hiện tại đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Đỗ Duy N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về công việc và thu nhập thực tế: Chị đang làm công nhân may, thu nhập khoảng 8.000.000 (Tám triệu) đồng/tháng.

- Tài sản, nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 10-8-2021, bị đơn là anh Đỗ Duy N trình bày:

Anh xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn tương tự chị Hạnh đã trình bày. Hiện nay, anh đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam N với thời hạn 03 năm về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nên chị H có đơn xin ly hôn thì anh nhất trí ly hôn với chị H. Về con chung: Anh xác nhận tương tự như lời khai của chị H. Anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng cả hai con chung và không có ý kiến gì khác. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung của vợ chồng. Anh xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập tại nơi chị H và anh N cư trú thể hiện: Quá trình chung sống, chị H và anh N có xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh N đang phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam N nên chị H đã đưa con về nhà bố mẹ để sinh sống. Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là Đỗ Anh Th sinh ngày 05-8-2010 và Đỗ Thảo Nh sinh ngày 24-01-2015, hiện đang sống cùng chị H.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Mỹ H và anh Đỗ Duy N.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Đỗ Anh Th và Đỗ Thảo Nh. Ghi

nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đỗ Duy N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Mỹ H và anh Đỗ Duy N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết

- Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Mỹ H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Duy N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Duy N.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ H và anh Đỗ Duy N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và xác minh của Tòa án cho thấy: Chị H và anh N chung sống được một thời gian thì hai bên nảy sinh mâu thuẫn. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân do anh N phải thi hành án phạt tù tại trại giam N. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng của chị H và anh N không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Mỹ H và anh Đỗ Duy N.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị H có quan điểm đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N cũng có lời khai nhất trí với quan điểm này của chị H nên nguyện vọng của đương sự cần được ghi nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo lợi ích của con chung, căn cứ quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử có cơ sở giao cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Đỗ Anh Th và Đỗ Thảo Nh. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Mỹ H không yêu cầu anh Đỗ Duy N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Mỹ H và anh Đỗ Duy N đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ H là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Mỹ H và anh Đỗ Duy N.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Anh Th sinh ngày 05 tháng 8 năm 2010 và Đỗ Thảo Nh sinh ngày 24 tháng 01 năm 2015. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Mỹ H không yêu cầu anh Đỗ Duy N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Mỹ H và anh Đỗ Duy N vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn chị Trần Thị Mỹ H đã nộp theo biên lai số 0002910 ngày 28-6-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Mỹ H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Duy N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Trần Thị Mỹ H và anh Đỗ Duy N có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường V, tp. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Việt Bằng